TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2019
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến P - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: ấp ML, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Song T (M) - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: ấp V, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-5-2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến P trình bày: Ông và bà Lê Song T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 03-3-2005 tại Ủy ban nhân xã MTT. Quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và bà T cờ bạc; Ông và bà T đã ly thân từ năm 2014 đến nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Lê Song T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hương TM, sinh ngày 01-11-2004, đang sống với ông. Tại phiên hòa giải, ông với bà T đã thống nhất, nếu ly

hôn, bà T được trực tiếp nuôi con, ông có nghĩa vụ giao con chung cho cho bà T nuôi khi án có hiệu lực.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 20-6-2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn là bà Lê Song T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Tiến P về ngày tháng năm chung sống và đăng ký kết hôn, về con chung, việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Ông P có quan hệ với người phụ nữ khác nên tự nộp đơn ly hôn. Vợ chồng ly thân khoảng 04 năm nay.

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P.

Về con chung: Tại phiên hòa giải, bà với ông P đã thống nhất, nếu ly hôn, bà được trực tiếp nuôi con chung, ông P có nghĩa vụ giao con chung cho cho bà nuôi khi án có hiệu lực. Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Vụ việc được hòa giải Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Tiến P khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Lê Song T, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án;

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Ông P và bà T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 03-3-2005 tại Ủy ban nhân dân xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét việc thuận tình ly hôn của ông P và bà T tại phiên tòa:

Ông P và bà T không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, xét ông P và bà T xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2014, hiện ông P và bà T vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa ông P và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông P và bà T thuận tình ly hôn tại phiên tòa là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4] Xét về nuôi con chung:

[4.1] Xét về người trực tiếp nuôi con chung:

Tại phiên hòa giải ông P và bà T đã thỏa thuận: Nếu ly hôn, bà T được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hương TM, sinh ngày 01-11-2004, đang sống với ông P, theo nguyện vọng của con chung; Ông P có nghĩa vụ giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Thỏa thuận trước khi mở phiên tòa về người trực tiếp nuôi con chung của đương sự là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên công nhận.

[4.2] Xét về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4.3] Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông P và bà T được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét về chia tài sản chung: Ông P và bà T thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

[6] Xét về chia nợ chung: Ông P và bà T thống nhất không có nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông P đã nộp đủ án phí; Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tiến P và bà Lê Song T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự: Bà Lê Song T được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hương TM, sinh ngày 01-11-2004, đang sống với ông

Nguyễn Tiến P. Ông P có nghĩa vụ giao con chung tên Nguyễn Hương TM cho bà T trực tiếp nuôi kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Ông Nguyễn Tiến P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông P và bà T được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không đề cập giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Tiến P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0004559 ngày 04-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), ông P đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12-7-2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương